

Bản án số: 218/2026/DS-PT

Ngày 13 - 3 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2026/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 376/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1976 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096076012041 do Cục CSQLHC và TTXH cấp ngày 18/11/2021

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Nam H1, sinh năm 1972 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096072014653 do Cục CSQLHC và TTXH cấp ngày 02/07/2021

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1973 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096173002896 do Cục C và TTXH cấp ngày 02/06/2023

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị P, sinh năm 1977.
Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Lê Quốc H trình bày:

Ngày 27/9/2021, ông có cho vợ chồng ông H1 và bà N vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, việc vay có thể chấp GCNQSDĐ số: CU 314653 do ông H1 và bà N đứng tên, việc vay tiền có lập Hợp đồng thế chấp ngày 27/9/2021 và được chứng thực ngày 28/9/2021 do vợ chồng ông H1 cùng ký tên, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Từ khi vay đến nay, ông H1 và bà N không có thanh toán vốn, chỉ có trả lãi cho ông số tiền 5.000.000 đồng. Khoản vay này, ông H1 và bà N thiếu ông vốn 150.000.000 đồng và lãi tính từ khi vay (ngày 27/9/2021) đến ngày 27/9/2025, mức lãi suất 20%/năm với số tiền 120.000.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 5.000.000 đồng. Ông H1, bà N còn nợ tiền lãi 115.000.000 đồng. Ông H1, bà N nợ vốn, lãi là 265.000.000 đồng.

Cùng ngày 27/9/2021, ông có cho vợ chồng ông H1 và bà N vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, việc vay có thể chấp GCNQSDĐ số: DB 204932 do ông H1 đứng tên, việc vay tiền có lập Hợp đồng thế chấp ngày 27/9/2021 và được chứng thực ngày 12/4/2022 do ông H1 cùng ký tên, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Từ khi vay đến nay, ông H1, bà N không có trả vốn và lãi cho ông. Ông H1 và N thiếu ông số tiền vốn 75.000.000 đồng và số tiền lãi từ khi vay ngày 27/9/2021 đến ngày 27/9/2025, mức lãi suất 20%/năm với số tiền 60.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi của khoản vay này là 135.000.000 đồng.

Nay ông H yêu cầu ông H1 và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho ông H tổng số tiền vốn và lãi là 400.000.000 đồng. Đối với các GCNQSDĐ ông đang giữ, ông đề nghị Toà án ghi nhận trường hợp sau khi vợ chồng ông H1 và bà N trả xong toàn bộ khoản nợ thì ông đồng ý hoàn trả lại.

Bị đơn, ông Lê Nam H1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông H về các khoản giao dịch vay tiền, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh (thu mua cá bán lại). Ngày 27 tháng 9 năm 2021, ông có vay của ông H hai khoản vay:

Khoản vay thứ nhất số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, việc vay có thể chấp GCNQSDĐ số: CU 314653 do vợ chồng ông đứng tên, việc vay tiền có lập Hợp đồng thế chấp ngày 27/9/2021, được chứng thực ngày 28/9/2021. Từ khi vay đến nay, ông không có trả vốn, có trả lãi 27.000.000 đồng bằng tiền mặt, không có làm biên nhận.

Khoản vay thứ hai số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, việc vay có thể chấp GCNQSDĐ số: DB 204932 do ông H1 đứng tên, việc vay tiền có lập Hợp đồng thế chấp ngày 27/9/2021, được chứng thực ngày 12/4/2022 do ông H1 ký tên. Từ khi vay đến nay không có trả vốn và lãi. Ông cần thu mua cá có tiền lời thì sử dụng vào mục đích riêng.

Bị đơn, bà Huỳnh Thị N trình bày:

Các khoản nợ là do cá nhân ông H1 vay và sử dụng vào mục riêng của ông H1.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà N tự nguyện đồng ý cùng có trách nhiệm liên đới với ông H1 trả cho ông H số tiền 225.000.000 đồng. Bà N xin không trả lãi. Bà đồng ý giao toàn bộ 02 phần đất theo các GCNQSDĐ đã thế chấp để trừ nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị P trình bày:

Bà P thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông H. Tổng số tiền nợ là tài sản chung của vợ chồng. Bà thống nhất giao toàn quyền cho ông H yêu cầu khởi kiện và nhận tiền từ ông H1, bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 376/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc H.

Buộc ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ và trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Quốc H tổng số tiền 400.000.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 225.000.000 đồng, nợ lãi 175.000.000 đồng).

Trường hợp ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N thanh toán xong toàn bộ số nợ, thì ông Lê Quốc H có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ cho ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý trả tiền lãi, chỉ đồng ý trả tiền vốn cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị đơn, ông Lê Nam H1 tranh luận: Ông đồng ý trả 295.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Huỳnh Thị N tranh luận: Bà đồng ý giao đất cho ông H thanh toán nợ.

Nguyên đơn, ông Lê Quốc H tranh luận: Ông đồng ý với án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 376/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông H1 thừa nhận, ông H1 có vay của ông H 150.000.000 đồng vào ngày 27 tháng 9 năm 2021 và được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 28 tháng 9 năm 2021 và vay 75.000.000 đồng vào ngày 27 tháng 9 năm 2021 và được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 12 tháng 4 năm 2022. Cả hai khoản vay đều thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Án sơ thẩm điều chỉnh mức lãi 20%/năm và buộc ông H1 thanh toán số tiền vốn, lãi 400.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Bà Huỳnh Thị N kháng cáo cho rằng: Ông Lê Nam H1 vay hai khoản với số tiền 225.000.000 đồng là phục vụ nhu cầu của riêng của ông H1. Hội đồng xét xử xét thấy, H2 khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H1, bà N. Đồng thời, tài sản quyền sử dụng đất thế chấp cho khoản vay này là tài sản chung vợ, chồng. Bà N và ông H1 cùng ký tên trong hợp đồng thế chấp. Ông H1, bà N không có chứng cứ vay để phục vụ cho nhu cầu riêng của ông H1. Hơn nữa, tại Biên bản họp ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, bà N cũng đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông H1 thanh toán khoản nợ trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà N cũng đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông H1 trả vốn hai khoản vay với số tiền 225.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi. Như vậy, án sơ thẩm xác định hai khoản với số tiền 225.000.000 đồng là khoản nợ chung của ông H1, bà N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền vốn 225.000.000 đồng. Yêu cầu này là không phù hợp theo nhận định tại đoạn [1] nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H1, bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 376/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông H1, bà N mỗi người có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được chuyển thu án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 376/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc H.

Buộc ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ và trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Quốc H tổng số tiền 400.000.000 đồng.

Trường hợp ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N thanh toán xong toàn bộ số nợ, thì ông Lê Quốc H có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ cho ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N.

2. Chi phí tố tụng số tiền 7.220.000 đồng: Ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N phải chịu ông Lê Quốc H đã nộp Xong. Ông H1 bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H tiền chi phí giám định với tổng số tiền 7.220.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nói trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nam H1 và bà Huỳnh Thị N phải chịu là 20.000.000 đồng. Ông Lê Quốc H không phải chịu. Ông H có nộp tạm ứng án phí 7.277.000 đồng theo biên lai số 0001535 ngày 10 tháng 10 năm 2025 và 3.843.000 đồng theo biên lai số 0003928 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Nam H1, bà Huỳnh Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông H1, bà N mỗi người phải có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006841 và 0006843 cùng ngày 22 tháng 12 năm 2025, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung